

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2026/DS - PT

Ngày 22 tháng 01 năm 2026

V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa
kế, yêu cầu công nhận di chúc hợp
pháp”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nga

Các thẩm phán: Ông Lê Ngọc Lâm, bà Trương Thị Anh

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Bà Mai Thị Xuyên -
Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 93/2025/TLPT-
DS ngày 13/10/2025 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu công nhận
di chúc hợp pháp”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của
Toà án nhân dân khu vực 3, Thanh Hoá bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146/2025/QĐ-PT
ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hữu K, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số D G Tập Thể
T, phường G, Thành phố Hà Nội; (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Hữu L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh
Hóa; (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Hữu G, sinh năm: 1951; Địa chỉ: Thôn L, xã L, tỉnh Thanh Hóa;
(có mặt).

+ Ông Lê Hữu T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa;
(có mặt).

- Bà Lê Thị X, sinh năm: 1965; Địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa;
(Ông G, ông T, bà X ủy quyền cho nguyên đơn là ông Lê Hữu K).

- Bà Trịnh Thị G1, sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn N, xã T, tỉnh Thanh
Hóa; (có mặt).

- Văn phòng C2; Địa chỉ: D Quốc lộ D, Tiểu khu B, xã T, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị G2 – Trưởng Văn Phòng; (vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Lê Ngọc P, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

*** Người kháng cáo, kháng nghị:**

- Bị đơn – ông Lê Hữu L

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thanh Hoá có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thanh Hoá, các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hữu K trình bày:

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C khi còn sống tạo lập được quyền sử dụng đất 803m² đất ở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị C ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số CH00841/5309/QĐ-UBND cấp ngày 31/12/2014 do UBND huyện T cấp trên đất có ngôi nhà cấp 4 03 gian.

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C có 05 người con là: Ông Lê Hữu K, ông Lê Hữu G, ông Lê Hữu T, bà Lê Thị X và ông Lê Hữu L.

Ông Lê Hữu N chết không để lại di chúc, bà Lê Thị C ngày 04/4/2016 để lại di chúc nội dung để lại ½ khu đất và phần thừa kế được hưởng của ông Lê Hữu N giao lại cho ông Lê Hữu K được quyền sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Sau khi bà C mất, ông Lê Hữu L không thực hiện di chúc, anh em đã bàn bạc nói nhiều lần nhưng ông Lê Hữu L và vợ là Lê Thị G3 không hợp tác.

Nay ông Lê Hữu K đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, công nhận di chúc của bà Lê Thị C có hiệu lực. Đề nghị Tòa án chia theo hướng giao lại (½ khu đất của bà Lê Thị C và phần thừa kế bà C được hưởng của ông Lê Hữu N) giao cho ông Lê Hữu K làm nơi thờ cúng, chia thừa kế phần đất của ông Lê Hữu N theo pháp luật, phần thừa kế ông G, bà X cho ông Lê Hữu K.

Tại các ý kiến bằng văn bản ngày 17/10/2024, ý kiến tại phiên họp và tại phiên tòa bị đơn là Lê Hữu L trình bày:

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C khi còn sống tạo lập được quyền sử dụng đất 803m² đất ở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị C ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số CH00841/5309/QĐ-UBND cấp ngày 31/12/2014 do UBND huyện T cấp; trên đất có ngôi nhà cấp 4 03 gian ông K xây dựng, các công trình khác do vợ ông L và bà G3 xây dựng.

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C có 05 người con là: Ông Lê Hữu K, ông Lê Hữu G, ông Lê Hữu T, bà Lê Thị X và ông Lê Hữu L.

Ông L đồng ý chia thừa kế, những tài sản trên đất phải trả lại bằng giá trị cho vợ chồng ông L và bà G3. Phần thừa kế của ông T, ông T cho vợ chồng ông L và bà G3. Ông L đề nghị Tòa xem xét tính hợp pháp của di chúc của bà Lê Thị C ngày 04/4/2016, ông L cho rằng không đúng quy định, có dấu hiệu gian dối, không thể hiện ý chí của người lập di chúc, cho rằng người làm chứng là ông Lê

Ngọc P1 có mặt tại buổi lập di chúc, di chúc phải có 02 người làm chứng và lúc này bà C đã 96 tuổi không đủ minh mẫn.

Ý kiến ông Lê Hữu G, ông Lê Hữu T, bà Lê Thị X tại đơn trình bày ngày 01/10/2024 cùng ý kiến:

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C khi còn sống tạo lập được quyền sử dụng đất 803m² đất ở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị C ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số CH00841/5309/QĐ-UBND cấp ngày 31/12/2014 do UBND huyện T cấp trên đất có ngôi nhà cấp 4 03 gian.

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C có 05 người con là: Ông Lê Hữu K, ông Lê Hữu G, ông Lê Hữu T, bà Lê Thị X và ông Lê Hữu L.

Ông Lê Hữu N chết không để lại di chúc, bà Lê Thị C ngày 04/4/2016 để lại di chúc nội dung để lại ½ khu đất và phần thừa kế được hưởng của ông Lê Hữu N giao lại cho ông Lê Hữu K được quyền sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên. Quá trình sinh sống sau khi bà C mất ông Lê Hữu L không thực hiện di chúc, anh em đã bàn bạc nói nhiều lần nhưng ông Lê Hữu L và vợ là Lê Thị G3 không hợp tác.

Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật, đề nghị công nhận di chúc của bà C. Ông G, ông T, bà X ủy quyền cho ông Lê Hữu K toàn quyền quyết định các vấn đề. Ngoài ra tại bản tự khai ngày 05/8/2025 ông Lê Hữu T trình bày thêm: Phần ông T được hưởng thừa kế nhường cho ông Lê Hữu K. Tại buổi lập di chúc của bà C có mặt ông chứng kiến, bà C minh mẫn, có sự chứng kiến của trưởng thôn, tuy nhiên ông T không ký vào di chúc vì là con của bà C, tại buổi lập di chúc không có mặt ông Lê Hữu K.

Ý kiến bà Trịnh Thị G1 tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa:

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C khi còn sống tạo lập được quyền sử dụng đất 803m² đất ở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị C ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số CH00841/5309/QĐ-UBND cấp ngày 31/12/2014 do UBND huyện T cấp; trên đất có ngôi nhà cấp 4 03 gian ông K xây dựng, các công trình khác do vợ ông L và bà gái xây dựng.

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C có 05 người con là: Ông Lê Hữu K, ông Lê Hữu G, ông Lê Hữu T, bà Lê Thị X và ông Lê Hữu L.

Bà G1 đồng ý chia thừa kế, những tài sản trên đất phải trả lại bằng giá trị cho vợ chồng ông L và bà G1. Đề nghị xem xét công sức vợ chồng bà G1 đã xây dựng công trình trên đất, đóng thuế đất hàng năm.

Ý kiến người làm chứng ông Lê Ngọc P: Tại bản tự khai ngày 05/8/2025 khai, Ngày 04/4/2016 ông chứng kiến xác nhận bà Lê Thị C lập di chúc cho đất ở cho con trai là ông Lê Hữu K, tại buổi lập di chúc có ông P, bà C, công chứng viên và con trai bà C là ông Lê Hữu T nhưng ông T không ký vào di chúc, bà C khi lập di chúc còn minh mẫn, tỉnh táo. Khoảng 01 năm trở lại đây ông Lê Hữu L có thắc mắc về di chúc, ông L có đưa cho ông một tờ giấy, do nể nang nên ông P có ghi khi lập di chúc chỉ có ông Lê Hữu T chứng kiến mà không có

anh em trong gia đình; Ông P cam đoan là người làm chứng nội dung di chúc của bà Lê Thị C là đúng ý chí nguyện vọng của bà C, trước mặt công chứng viên. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Với nội dung nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Điều 5, khoản 5 và khoản 11 điều 26, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị Quyết 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ: Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 628, 630, 631, 635, 636, 639, 643, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 131, 133, 134, 135 Luật đất đai 2024; Điều 6, Điều 9, điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu K về việc Công nhận tính hợp pháp của di chúc lập ngày 04/4/2016 của cụ Lê Thị C và chia di sản thừa kế của cụ Lê Hữu N khi còn sống tạo lập được là $\frac{1}{2}$ Quyền sử dụng đất 803m² đất ở tại thửa 1451, tờ bản đồ số 6, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị C ở thôn N, (xã T, huyện T - nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số CH00841/5309/QĐ-UBND cấp ngày 31/12/2014 do UBND huyện T; Cụ thể:

1.1. Giao cho ông Lê Hữu K được quyền quản lý và sử dụng là nơi thờ tự, sinh hoạt chung theo di chúc của cụ Lê Thị C phần đất ở diện tích 507,1m² trên đất có: (01 nhà thờ 03 gian, sân lát bê tông, 02 cửa sắt, 01 cây xoài, 01 cây hồng xiêm, 01 nhà xưởng diện tích 209,9m², T1 đào 14,5m cao 1,8m, 02 cây cau, 01 cây vú sữa và 01 cây bưởi.

1.2. Giao cho ông Lê Hữu L và bà Trịnh Thị G1 sử dụng phần đất có diện tích 406,9m² trong đó có 295,9m² đất ở, 111m² đất tạm giao.

Các tài sản trên đất là do ông L và bà G1 tạo lập gồm: Nhà mái ngói xây năm 2001 diện tích 64,8m², 01 nhà Bếp và công trình phụ 60m², Nhà bếp mái bằng 27,3m², phần tường rào giáp ngõ đi, mái tôn xộp liền nhà và công trình phụ. Diện tích mái tôn sang phần đất giao cho ông K phía giáp danh ông L và bà G1 tháo dỡ, ngoài ra ông L và bà G1 di dời một phần cổng ngõ. (Có sơ đồ đất kèm theo).

Người được quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

1.3. Về trả giá trị chênh lệch chia thừa kế và giao tài sản:

Buộc ông Lê Hữu K trả cho ông Lê Hữu L và bà Trịnh Thị G1: 76.760.000đ (Bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thanh Hoá kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thanh Hóa với nội dung: đề nghị sửa bản án dân sự nêu trên về trích công sức cho gia đình bà Trịnh Thị G1 và sửa án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 24 tháng 8 năm 2025, bị đơn ông Lê Hữu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trịnh Thị G1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thanh Hóa với nội dung: đề nghị sửa bản án, không công nhận tính hợp pháp của di chúc ngày 04/4/2016 do bà Lê Thị C lập; Chia lại toàn bộ di sản của ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C theo quy định của pháp luật; Khi phân chia di sản, yêu cầu Tòa án tính toán và trích một phần tài sản tương xứng để thanh toán công sức đóng góp cho vợ chồng ông L, bà G1 trong việc quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản và sửa lại án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo là ông Lê Hữu L và bà Trịnh Thị G1 đều thừa nhận di sản thừa kế và di chúc của bà C như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng. Tuy nhiên, do ông bà đã sinh sống ổn định trên diện tích đất của bố mẹ để lại và có nhiều công sức đóng góp, hơn nữa cũng mong muốn anh em đoàn kết, hoà thuận. Vì vậy, giữa các anh em trong gia đình đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: gia đình ông Lê Hữu L và bà Trịnh Thị G1 được quyền sử dụng diện tích 409,1m² đất ở trị giá 409.100.000đ trong di sản của ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C và 111m² đất tạm giao cùng các tài sản trên phần đất được giao. Ông K được quyền sử dụng diện tích 393,9m² đất ở trị giá 393.900.000đ trong di sản của ông N, bà C và tài sản trên diện tích đất được giao. Ông L, bà G1 tự nguyện tháo dỡ nhà xưởng xây trên phần đất của ông K và không yêu cầu ông K phải bồi thường giá trị tài sản.

- Ý kiến của ông K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông G, ông T, bà X) đồng ý với ý kiến của ông L, bà G1. Theo đó, các ông, bà đều thống nhất đất của bố mẹ để lại, mục đích muốn lấy một phần đất để xây dựng nhà thờ tổ tiên và mong muốn giữ được mối đoàn kết giữa anh em trong gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thanh Hoá là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 300 của BLTTDS, không xem xét kháng nghị của VKS, sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thoả thuận của các đương sự; Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo và các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên toà của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát làm trong thời hạn, theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ nội dung trình bày của các đương sự, thể hiện: Tại phiên toà các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá đề nghị Toà án không xem xét kháng nghị; công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Xét thấy, các đương sự thoả thuận về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, giữ được mối đoàn kết trong nội bộ nhân dân, ổn định tình hình chính trị địa phương, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên toà phúc thẩm nên ông Lê Hữu L, bà Trịnh Thị G1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thoả thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên toà phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Lê Hữu K, ông Lê Hữu G, ông Lê Hữu T và bà Lê Thị X1 người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300; Khoản 2 Điều 308 của BLTTDS.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa quyết định bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

2. Căn cứ: Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 628, 630, 631, 635, 636, 639, 643, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 131, 133, 134, 135 Luật đất đai 2024; khoản 5 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự đều thống nhất di sản thừa kế của ông Lê Hữu N và bà Lê Thị C1 gồm: quyền sử dụng diện tích đất 803m² đất ở tại nông thôn trị giá 803.000.000đ, thửa đất số 1451, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số CH 00841/5309/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2014 mang tên bà Lê Thị C. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, ngôi nhà này do ông K xây cho bà Cường ở khi còn sống; nhà mái bằng, công trình phụ và nhà xưởng do gia đình ông L xây dựng và hiện đang quản lý, sử dụng.

- Giao cho ông Lê Hữu L và bà Trịnh Thị G1 được quyền sử dụng diện tích 409,1m² đất ở, thửa đất số 1451, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận số CH 00841/5309/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2014 mang tên bà Lê Thị C. Trị giá thành tiền là 409.100.000đ; *(Có sổ đỏ kèm theo)*.

- Giao cho ông Lê Hữu K được quyền sử dụng diện tích 393,9m² đất ở tại thửa đất số 1451, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, (nay là thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận số CH 00841/5309/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2014 mang tên bà Lê Thị C. Trị giá thành tiền là 393.900.000đ; *(Có sổ đỏ kèm theo)*.

- Các tài sản hiện có ở trên phần diện tích đất mà các đồng thừa kế đã tạo lập, của ai người đó sử dụng. Gia đình ông L, bà G1 tự nguyện tháo dỡ phần nhà xưởng xây trên phần diện tích đất giao cho ông K và không yêu cầu ông Lê Hữu K phải bồi thường giá trị tài sản.

- Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất được phân chia thừa kế.

- Tạm giao cho ông Lê Hữu L và bà Trịnh Thị G1 quản lý, sử dụng phần diện tích đất tăng thêm 111 m² ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00841/5309/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2014 mang tên bà Lê Thị C.

2. Án phí: Ông Lê Hữu L và bà Trịnh Thị G1 mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000597 và 0000487 ngày 25/8/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh T; (xác nhận ông L, bà G1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Ông Lê Hữu L và bà Trịnh Thị G1 phải chịu 20.364.000đ (*Hai mươi triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hữu K, ông Lê Hữu G, ông Lê Hữu T và bà Lê Thị X.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm - TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND khu vực 3;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nga